

Bản án số: 212/2022/DS – ST

Ngày: 13/12/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*”

- *hợp đồng thi công và hợp đồng vay tài sản*”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đức Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Thanh Tân
- Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 284/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự - hợp đồng thi công và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 458/2022/QĐXXST – DS ngày 01 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 437/2022/QĐST – DS ngày 22/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tri H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số A, đường B, khóm C, phường D, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Phước H1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số E/F, khóm G, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền lập ngày 07/10/2022).

- Bị đơn:

+ Ông Phan Nguyễn Thanh D, sinh năm 1979

+ Bà Nhan Ngọc T, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số K/L, khóm M, phường N, thành phố X, tỉnh An Giang.

(ông H1 có mặt, bà T và ông D vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 24/9/2022; biên bản không tiến hành hòa giải được và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước H1 trình bày:**

Từ mối quan hệ quen biết nên vợ chồng ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T có thuê ông H gia công cửa nhà, lợp mái tole và đóng la phong cho nhà ông D và bà T.

Cụ thể ngày 01/02/2021, ông H nhận thi công sửa chữa nhà cho ông D, bà T, nhà tọa lạc tại: phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang thời hạn hoàn thành là 02 tháng.

Ngày 01/04/2021, ông H hoàn thành công trình, tổng chi phí gia công là 152.831.000 đồng. Ông H có chụp biên nhận tiền gửi qua tin nhắn riêng cho ông D và ông D đồng ý thanh toán với số tiền trên, nhưng hứa 02 tháng sau sẽ thanh toán.

Ngày 01/04/2021, ông H tiếp tục nhận thi công sửa chữa nhà cho ông D và bà T, nhà tọa lạc tại: Thị trấn S, huyện T, tỉnh An Giang thời hạn hoàn thành là 02 tháng.

Ngày 01/06/2021, ông H hoàn thành công trình, tổng chi phí gia công là 47.665.000 đồng. Ông H có chụp biên nhận tiền gửi qua tin nhắn riêng cho ông D và ông D đồng ý với giá nêu trên.

Ông D, bà T nhiều lần hứa hẹn sẽ thanh toán cho ông H chi phí 02 hợp đồng nêu trên nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Ngoài ra, vào ngày 30/01/2022 ông H có cho ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả 03 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Khi vay không có làm biên nhận nhưng ông D và bà T có thừa nhận nợ thông qua các tin nhắn Zalo.

Từ khi mượn đến nay vợ chồng ông D và bà T chưa trả tiền lãi và vốn cho ông H.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên buộc ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông H số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30/01/2022 và số tiền 200.486.000 đồng từ hợp đồng gia công nhà và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ.

Cụ thể, lãi suất tạm tính vốn vay từ ngày 30/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là  $20\%/năm \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ năm} = 10.000.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 01/06/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính là  $10\%/năm \times 200.486.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ năm} = 40.097.000 \text{ đồng}$ .

Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên buộc ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông H số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm tạm tính từ ngày 30/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 10.000.000 đồng và số tiền thanh

toán 02 hợp đồng gia công là 200.486.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 10%/năm từ ngày 01/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính là 40.097.000. Tổng cộng là 300.583.000 đồng (ba trăm triệu năm trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông D và bà T trả hết nợ.

\* Bị đơn ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

\* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Ông Nguyễn Phước H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T phải liên đới trả số tiền 300.583.000 đồng.

Ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

**\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:**

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

**\* Việc chấp hành pháp luật của Thư ký:**

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

**\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**\* Quan điểm giải quyết vụ án:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp các tài liệu: 01 tờ giấy có hình thể hiện số tiền 250.486.000 đồng, 01 tờ giấy hình chụp màn hình zalo thể hiện gửi hình số tiền 250.486.000 đồng cho tài khoản “D1” để yêu cầu ông D, bà T liên đới trách nhiệm trả cho ông H số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30/01/2022 là 10.000.000 đồng; số tiền hợp đồng gia công 200.486.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 01/6/2021 là 40.097.000 đồng. Yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông D, bà T trả hết nợ. Đến ngày 12/12/2022, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 văn bản thể hiện chi phí gia công, tiền vay có cam kết và chữ ký của bị đơn. Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chứng cứ nguyên đơn cung cấp chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể: *“Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ*

chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận; Thông điệp dữ liệu điện tử được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử”. Đồng thời, chứng cứ nguyên đơn cung cấp ngày 12/12/2022 tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chữ viết trong văn bản là của nguyên đơn, còn chữ ký là của bị đơn, tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu giám định chữ ký trong văn bản này, do đó nhận thấy chứng cứ nguyên đơn cung cấp ngày 12/12/2022 là chưa đủ cơ sở xác định bị đơn có nợ tiền gia công, tiền vay của nguyên đơn. Bên cạnh đó, các tài liệu nguyên đơn cung cấp không thể hiện rõ các bên thực hiện giao dịch dân sự gì; thời điểm các bên thực hiện; tên, địa chỉ các bên giao dịch; bên nào đã vi phạm; bên cạnh đó chưa có đủ cơ sở xác định tên tài khoản zalo “D1” là của ông D để làm căn cứ xác định nghĩa vụ trong giao dịch. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Tranh chấp giữa ông Huỳnh Tri H với ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông D và bà T tại địa chỉ cư trú theo qui định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của bị đơn và được Công an phường N, thành phố X, An Giang cung cấp thông tin “Phan Nguyễn Thanh D, sinh năm 1979 và Nhan Ngọc T, sinh năm 1984, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số K/L, khóm M, phường N, thành phố X, tỉnh An Giang”. Tuy nhiên, ông D và bà T vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà T.

[1.3] Ông Huỳnh Tri H là nguyên đơn trong vụ án ủy quyền cho ông Nguyễn Phước H1. Việc ủy quyền được lập thành văn bản, được chứng nhận và nội dung ủy quyền không trái với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Ngày 01/02/2021 và ngày 01/4/2021, ông H nhận thi công sửa chữa nhà cho ông D, bà T với tổng số tiền là 200.486.000đồng. Ngoài ra, vào ngày 30/01/2022 ông H có cho ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả 03 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Đối với khoản nợ vay và gia công sửa chữa nhà giữa ông H với bà T và ông D không có làm biên nhận nhưng ông D bà T có thừa nhận nợ thông qua các tin nhắn

Zalo do ông H cung cấp. Do vợ chồng ông D bà T không trả tiền thi công sửa chữa nhà và tiền vay cho ông H. Nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên buộc ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông H số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm tạm tính từ ngày 30/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 10.000.000 đồng và số tiền thanh toán 02 hợp đồng gia công là 200.486.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 10%/năm từ ngày 01/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính là 40.097.000 đồng. Tổng cộng là 300.583.000 đồng (ba trăm triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông D và bà T trả hết nợ.

[2.2] Bà Nhan Ngọc T và ông Phan Nguyễn Thanh D là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà T và ông D đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Xét thấy, ông H khởi kiện cho rằng vào ngày 01/02/2021 và 01/4/2021 ông có thỏa thuận miệng với ông D và bà T để thực hiện thi công sửa chữa nhà cho ông D, bà T. Tổng cộng tiền công của hai lần là 200.486.000 đồng, ông D, bà T hứa hai tháng sau sẽ trả nhưng đến nay vẫn không trả nên ông H khởi kiện buộc ông D, bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 200.486.000 đồng. Đồng thời, vào ngày 30/01/2022, ông H có cho ông D và bà T vay 50.000.000 đ, thời hạn trả là 03 tháng, hợp đồng vay này các bên cũng chỉ thỏa thuận miệng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án một ảnh chụp từ màn hình điện thoại và một bảng kê số tiền do ông H tự lập thể hiện nội dung đến đoạn cuối cùng là 250.486.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ có ghi thêm nội dung “Tôi Phan Nguyễn Thanh D xác nhận có nợ anh H số tiền trên, cam kết sau khi bán nhà sẽ trả đủ”. Hội đồng xét xử đã làm rõ tại phiên tòa nội dung ghi thêm này là do nguyên đơn tự viết, nhưng nguyên đơn cho rằng bị đơn có ký vào bảng kê đó. Xét thấy, ngoài lời trình bày thì ông H không có căn cứ nào chứng minh chữ ký trong bảng kê có ghi thêm nội dung là của ông D, bà T và cũng không đồng ý giám định chữ ký của ông D, bà T. Mặt khác, các tài liệu nguyên đơn cung cấp không thể hiện rõ các bên thực hiện giao dịch dân sự gì; thời điểm các bên thực hiện; tên, địa chỉ các bên giao dịch; bên nào đã vi phạm; bên cạnh đó chưa có đủ cơ sở xác định tên tài khoản zalo “D1” là của ông Phan Nguyễn Thanh D để làm căn cứ xác định nghĩa vụ trong giao dịch. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tri H không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ vào:*

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Huỳnh Tri H buộc ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T phải trả số tiền 300.583.000 đồng (ba trăm triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng).

*Về án phí:*

Ông Huỳnh Tri H phải chịu 15.029.150 đồng (mười lăm triệu không trăm hai mươi chín nghìn một trăm năm chục đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 7.515.000 đồng (bảy triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000868 ngày 07/10/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố X, ông H còn phải nộp thêm 7.514.150 đồng (bảy triệu năm trăm mười bốn nghìn một trăm năm chục đồng).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Đức Anh**



